

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/DS- PT

Ngày: 24/7/2017

*V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị  
cưỡng chế để thi hành án dân sự;*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dụ

*Các Thẩm phán:*

Ông Hà Quang Dĩnh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:** Bà Hà Thị Ngọc Bích  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLPT- DS ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án dân sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2016/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/QĐPT - TA ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đỗ Đức T - Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Vân A, ông Phạm Văn H: Chấp hành viên- Chi cục thi hành án thành phố H; có mặt (văn bản ủy quyền ngày 24/7/2017)

**- Các bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1959; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có mặt.
3. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1982; vắng mặt.
4. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1991; vắng mặt.
6. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1994; vắng mặt.
7. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1996; có mặt.
8. Chị Đặng Thị Hồng Ph, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn A, Trưởng văn phòng luật sư G thuộc đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ 23, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.
3. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 25, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị N: Luật sư Vũ Văn D văn phòng luật sư C thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Chấp hành viên- Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Thành phố H (ông Đỗ Đức T) trình bày:

Các bị đơn ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H phải thi hành án 03 bản án có hiệu lực pháp luật, có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 524.748.965đ (Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2010/DSPT ngày 23/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh H); trả cho bà Hoàng Thị Nh số tiền 753.000.000đ (Bản án dân sự sơ thẩm số 22/DSST ngày 30/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố H); trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 173.630.000đ (Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2011/DSST ngày 21/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố H). Tổng số tiền 1.451.965.000đ.

Do ông T, bà H không tự nguyện thi hành án, nên bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị N, bà Nguyễn Thị H đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục trưởng Chi cục thi hành án thành phố H đã ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu

của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N và bà Hoàng Thị N. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cơ quan thi hành án đã tiến hành thủ tục kê biên tài sản, cưỡng chế thi hành án. Xác minh điều kiện thi hành án, thấy rằng tài sản kê biên là quyền sử dụng 126,8m<sup>2</sup> đất, thửa số 261, tờ bản đồ số 02 tại tổ 25, phường P, thành phố H, là tài sản của “ hộ ông Nguyễn Trọng T”, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001308 QSĐĐ/PL do Ủy ban nhân dân tỉnh H cấp ngày 12 tháng 12 năm 2000, trên đất có hai ngôi nhà (nhà 01 tầng và nhà 04 tầng).

Tại thời điểm xác minh điều kiện thi hành án, tài sản phải thi hành án của hộ ông Nguyễn Trọng T đang sống tại nhà số 3 tổ 25 phường P có 11 người, gồm: hai vợ chồng ông T, bà H, 5 người con ông Th, bà H (Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Trọng Q); con dâu (Đặng Thị Hồng Ph) và ba cháu nội (Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2007, Nguyễn Trọng B, sinh năm 2009, Nguyễn Khả A, sinh năm 2015).

Do 03 bản án quyết định buộc ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải thi hành án, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 4 Điều 179 Luật thi hành án dân sự, điều 6 Thông tư 14/2010/TTLT-BTP- TANDTC-VKSNDTC, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố H có đơn đề nghị Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản của ông T, bà H và các thành viên hộ gia đình trong khối tài sản đã được kê biên để phục vụ việc thi hành án theo quy định chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Tài sản của bị đơn là 02 ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại thửa số 261, tờ bản đồ số 2 tại tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình mà Chi cục thi hành án đã kê biên xử lý là tài sản chung thuộc hộ gia đình, nhưng chỉ có bà và ông T (chồng bà) có nghĩa vụ thi hành 03 bản án; các con của bị đơn không liên quan đến nghĩa vụ này. Bà H đề nghị xác định phân quyền sở hữu tài sản của tất cả thành viên trong gia đình (11 người).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị N trình bày:

Quá trình hình thành nhà đất tại tổ 25, phường P, thành phố H của ông T và bà H các con của bị đơn còn quá nhỏ, không có đóng góp cho việc hình thành, tạo dựng khối tài sản trên. Đề nghị Tòa án xác định ông T, bà H có quyền sở hữu toàn bộ tài sản do Cơ quan thi hành án đã kê biên, không chia cho các con của ông T, bà H.

Bản án số 11/2016/DSST ngày 02/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình quyết định:

1. Áp dụng điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 74, 179 Luật thi hành án dân sự; điều 29, khoản 5 điều 70 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 106, khoản 2 điều 109 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP- VKSNDTC - TANDTC của Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều 10 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Đỗ Đức T - Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay tuyên xử như sau:

2.1. Xác định ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H có quyền sở hữu 85% giá trị của 02 ngôi nhà (một nhà 01 tầng và một nhà 04 tầng) gắn liền với quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02 thuộc tổ 25, phường P thành phố H, tỉnh Hòa Bình được kê biên để đảm bảo thi hành án (trong đó ông T có quyền sở hữu đối với 42,5% giá trị tài sản, bà H có quyền sở hữu đối với 42,5% giá trị tài sản).

2.2. Xác định anh Nguyễn Trọng H có quyền sở hữu 5% giá trị của 02 ngôi nhà (một nhà 01 tầng và một nhà 04 tầng) gắn liền với quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02 thuộc tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình được kê biên để đảm bảo thi hành án.

2.3. Xác định chị Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Trọng Q, mỗi người có quyền sở hữu 2,5% giá trị của 02 ngôi nhà (một nhà 01 tầng và một nhà 04 tầng) gắn liền với quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02 thuộc tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình được kê biên để đảm bảo thi hành án.

3. Chi cục thi hành án dân sự, chấp hành viên Đỗ Đức T không phải chịu án phí dân sự.

Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/11/2016, ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự thẩm số 11/2016/DSST ngày 02/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn (bà H), Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, nêu quan điểm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T phải thi hành 03 bản án có hiệu lực pháp luật và 03 bản án này chỉ quyết định bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T phải có nghĩa vụ trả nợ cho 03 người. Nhưng, quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Hòa Bình cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng T, trên đất có tài sản là nhà xây 04 tầng. Hiện tại gia đình ông T có 11 người nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ xác định tài sản chung của 7 người là không đúng. Hơn nữa, Tòa án sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T có quyền sở hữu 85% giá trị tài sản; 05 người con đẻ bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T được hưởng 15% giá trị tài sản, cũng không có cơ sở. Bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trọng Q, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H, ông T đề nghị phải coi nhà, đất có địa chỉ nêu trên là tài sản chung của hộ gia đình, gồm 11 người trong đó có con dâu và 03 cháu nội, mọi người đều có quyền hưởng tài sản ngang nhau. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, chia tài sản chung hộ ông Nguyễn Trọng T cho 11 người theo Điều 219 Bộ luật dân sự 2015.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người liên quan Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị N. Căn cứ 03 bản án có hiệu lực pháp luật, xác định tư cách thực hiện nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T là tư cách đại diện hộ gia đình, các khoản nợ bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T phải coi là nợ chung của hộ gia đình.

Trường hợp người kháng cáo tự nguyện thay đổi yêu cầu, người có quyền lợi liên quan đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xác định ông T, bà H có 85% giá trị 02 ngôi nhà cùng quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, con dâu Đặng Thị Hồng Ph có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 04/4/2009, bà H, ông T và chị Ph) lập giấy ủy quyền có nội dung bà Hoàng Thị N được toàn quyền sử dụng thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02; trên đất có nhà 04 tầng thuộc tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, mang tên hộ ông Nguyễn Trọng T; khi bà H, ông T không trả được cho bà Hoàng Thị N số tiền vay 600.000.000 đồng, lãi xuất 1,5%/tháng; bà H, ông T và chị Ph ký tên trong giấy ủy quyền có sự chứng kiến của tổ trưởng dân phố ông Trương Xuân H. Tuy nhiên, khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà H và chị Ph từ chối quyền định đoạt tài sản của mình. Như vậy, ông T, bà H và chị Ph đã cấu kết, tổ chức chặt chẽ để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng vay của bà Hoàng Thị N. Trường hợp người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tạm đình chỉ vụ án, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xác minh đơn tố cáo của bà Hoàng Thị N gửi Tòa án tỉnh Hòa Bình ngày 20/7/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Chấp hành viên chưa xác định quyền sở hữu về tài sản của từng người trong hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; các đồng sở hữu chung của ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H chưa biết để thực hiện quyền của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự.

Quyết định kê biên tài sản và biên bản kê biên tài sản không thống nhất. Quyết định kê biên tài sản là ngôi nhà 04 tầng trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 2 tại tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nhưng biên bản kê biên tài sản là 02 nhà (nhà 04 tầng và nhà 01 tầng) cùng thửa đất số 261, tờ bản đồ số 2 tại tổ 25, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Chấp hành viên khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản của ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H và các thành viên hộ gia đình trong khối tài sản đã được kê biên để phục vụ việc thi hành án theo quy định. Đây là

yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Như vậy Chấp hành viên thực hiện chưa đầy đủ trình tự, thủ tục do Luật thi hành án quy định. Tòa án sơ thẩm thụ lý, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án, áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là chưa đúng với quy định của pháp luật. Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu khi chưa có đủ điều kiện khởi kiện, vi phạm điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hủy và đình chỉ vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về tố tụng*

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Nguyễn Trọng T, anh Nguyễn Trọng H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Ph, chị Nguyễn Thị Tr và chị Đặng Thị Hồng Ph được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên trên.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2014, đơn yêu cầu số 172A/THA, ngày 11/3/2015 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án thành phố H, Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T trong khối tài sản chung là 02 ngôi nhà (01 nhà 01 tầng và 01 nhà 04 tầng) và quyền sử dụng 126 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 02 tổ 25 phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, được cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất năm 2000 với những người có quyền và lợi ích liên quan khác là Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Trọng Q. Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 109 Bộ luật Dân sự; khoản 10, 11 Điều 25; khoản 7 Điều 26 BLTTDS; khoản 1 Điều 74; khoản 4 Điều 179 Luật thi hành án và điều 6 Thông tư liên tịch 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (BL 03, 04).

Như vậy, chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T và 05 người con trong khối tài sản của hộ ông Nguyễn Trọng T, thuộc trường hợp quy định tại

khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (khoản 7 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2011 và được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 03/2012/HĐTP, ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất, những quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự ngày 29/3/2011). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án và áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là xác định chưa đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án năm 2014 quy định: Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Với quy định như trên cho thấy trong trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên không thể kê biên và phát mại tài sản để lấy tiền thi hành án được.

Tài sản phải thi hành án là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, gồm hai vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T và 05 người con của hai người. Trong trường hợp này Chấp hành viên phải thông báo cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T và 05 người con của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, để họ lựa chọn một trong hai phương án là tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 16/11/2014 Chấp hành viên đã niêm yết hợp lệ thông báo 294A ngày 15/1/2014 đối với bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, anh Nguyễn Trọng H (con trai bà H, ông T); anh Nguyễn Trọng có lời khai trước khi xét xử sơ thẩm, đã nhận được quyết định kê biên tài sản số 19/QĐ-THA ngày 21/9/2010 của cơ quan thi hành án (BL 280). Như vậy, còn 04 người con của bà H, ông T chưa nhận được văn bản nào của cơ quan thi hành án liên quan đến tài sản chung của hộ gia đình đã kê biên để thi hành án; do đó chưa có cơ sở để bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T và 5 người con tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung của hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H khai gia đình bà đã nhận được thông báo của cơ quan thi hành án, vợ chồng bà và các con không làm đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, các thành viên khác của gia đình bà H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đều không có mặt nên lời khai của bà H chưa đủ căn cứ

để khẳng định các con bà H đã nhận được thông báo kê biên tài sản, cưỡng chế thi hành án.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập 04 người con của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T để làm rõ thời điểm các đương sự biết cơ quan Thi hành án kê biên tài sản hộ gia đình để thi hành án, nhưng chỉ có chị Nguyễn Thị Ph có lời khai, chị không nhận được văn bản nào của cơ quan thi hành án, còn 03 người khác không đến Tòa án. Đồng thời, Tòa án cũng yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình cung cấp chứng cứ chứng minh cơ quan này đã tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ các văn bản liên quan đến tài sản thi hành án cho các con của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T; cơ quan này đã cung cấp văn bản cho Tòa án (thông báo số 294A ngày 15/1/2014) nhưng thời gian, thành phần tham gia niêm yết văn bản không phù hợp với biên bản niêm yết thông báo số 294A ngày 15/1/2014, do đó nội dung văn bản này không hợp lệ, không được coi là chứng cứ vụ án, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

#### [5] Về nội dung

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H, ông T cho rằng tài sản chung của hộ ông Nguyễn Trọng T chia đều cho 11 người, thấy rằng:

Thửa đất thửa số 261, tờ bản đồ số 02, diện tích 126,8m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 mang tên hộ ông Nguyễn Trọng T; có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thượng S năm 2000, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T đã có 05 người con (con lớn nhất (anh Nguyễn Trọng H) 16 tuổi; con nhỏ nhất là (anh Nguyễn Trọng Q) 04 tuổi. Năm 2005 bà H, ông T xây nhà trên đất nhận chuyển nhượng. Năm 2007 chị Đặng Thị Hồng Ph kết hôn với anh Nguyễn Trọng H, có 03 con. Thời điểm xác minh tài sản thi hành án thì 05 người con của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T đều đã trên 18 tuổi. Như vậy, thời điểm bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02, tờ 25 phường P thì bà H, ông T đã có 5 người con, năm 2005 xây nhà, anh Nguyễn Trọng H chưa kết hôn với chị Đặng Thị Hồng Ph. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản là nhà nằm trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 02, tờ 25 phường Phương Lâm là tài sản chung của hộ gia đình gồm bà H, ông T và 05 người con của hai người là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Chị Đặng Thị Hồng Ph là con dâu bà H, ông T kết hôn với anh Nguyễn Trọng H năm 2007, sau khi hộ ông Thái được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi xây nhà; do đó ý kiến của bà H, luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H, ông T yêu cầu xác định khối tài sản có địa chỉ nêu trên có phần của con dâu (chị Đặng Thị Hồng Ph) và 03 cháu nội của bà H, ông T là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.



Quan điểm của luật sư bảo vệ cho người liên quan đề nghị phải đưa hết tài sản của bà H, ông T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ba người này, thấy rằng: Chấp hành viên chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu của bà H, ông T đối với nhà nằm trên thửa đất số 261, tổ 25 phường P. Ý kiến của luật sư vượt quá phạm vi đơn yêu cầu của Chấp hành viên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ngoài ra, Luật sư cho rằng bà H, ông T, chị Đặng Thị Hồng Ph (con dâu) đã cấu kết, tổ chức chặt chẽ để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng vay của bà Hoàng Thị N, đề nghị tạm đình chỉ vụ án, chuyển hồ sơ cho cơ quan công an xem xét. Thấy rằng, việc bà H, ông T vay tiền của 03 người, đã được giải quyết bằng ba bản án dân sự có hiệu lực pháp luật, nên có nghĩa vụ thi hành 03 bản án theo Luật thi hành án dân sự. Do đó ý kiến của Luật sư đề nghị tạm đình chỉ vụ án, chuyển hồ sơ cho cơ quan công an xem xét việc bà H, ông T, chị Đặng Thị Hồng Ph có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, việc tổng đạt các văn bản liên quan đến tài sản thi hành án là tài sản chung của hộ gia đình, bắt buộc phải thông báo cho người phải thi hành án và các thành viên trong hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án. Đây là điều kiện cần và đủ để Tòa án thụ lý giải quyết. Do Chấp hành viên chưa thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục Luật thi hành án quy định đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Và, Tòa án sơ thẩm thụ lý yêu cầu của chấp hành viên khi chưa có đủ điều kiện khởi kiện là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khi thụ lý Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đúng theo quy định của pháp luật. Do đó ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, Điều 311; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Hủy bản án sơ thẩm số 11/2016/DSST ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình xét xử vụ án tranh chấp tài sản liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án, giữa nguyên đơn ông Đỗ Đức T- Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; các bị đơn ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trọng H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Ph, chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Trọng Q; người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H và đình chỉ giải quyết vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001928 ngày 10/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tp Hòa Bình;
- Chi cục THADS tp Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Dụ**

